Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8545.11.00

Mã HS	8545.11.00
Mô tả hàng hóa	Điện cực than, chổi than, carbon cho chế tạo bóng đèn, carbon cho chế tạo pin, ắc qui và các sản phẩm khác làm bằng graphit hoặc carbon khác, có hoặc không có thành phần kim loại, dùng cho kỹ thuật điện / - Điện cực: / - - Dùng cho lò nung, luyện
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 10:02:18
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85451100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K16117
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N16117
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q16117
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15465
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15394
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15394
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15394
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15394
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15394
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15394
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15450
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15450
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15450

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15450
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15450
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15450
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15451
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15451
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15451
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15451
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15451
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15451
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15452
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15400
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15408
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15408
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15408
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15408
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15408
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15408
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15448
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15448
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15448
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15448
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15448
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15448
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15510
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15510
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15510

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15510
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15510
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15510
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D15484
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E15484
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F15484
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G15484
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H15484
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I15484
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15487
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15487
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15487
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15487
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15487
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15487
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15493
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15493
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15493
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15493
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15493
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15493
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15492
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15492
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15492
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15492
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15492

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15492
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15481
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15481
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15481
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15481
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15481
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15481
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15481
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15475
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15475
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15475
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15475
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15475
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15475
RCEP B	2022	2022	0	B!D15475
RCEP B	2023	2023	0	B!E15475
RCEP B	2024	2024	0	B!F15475
RCEP B	2025	2025	0	B!G15475
RCEP B	2026	2026	0	B!H15475
RCEP B	2027	2027	0	B!I15475
RCEP C	2022	2022	0	C!D15475
RCEP C	2023	2023	0	C!E15475
RCEP C	2024	2024	0	C!F15475
RCEP C	2025	2025	0	C!G15475
RCEP C	2026	2026	0	C!H15475
RCEP C	2027	2027	0	C!I15475

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D15474
RCEP D	2023	2023	0	D!E15474
RCEP D	2024	2024	0	D!F15474
RCEP D	2025	2025	0	D!G15474
RCEP D	2026	2026	0	D!H15474
RCEP D	2027	2027	0	D!I15474
RCEP E	2022	2022	0	E!D15478
RCEP E	2023	2023	0	E!E15478
RCEP E	2024	2024	0	E!F15478
RCEP E	2025	2025	0	E!G15478
RCEP E	2026	2026	0	E!H15478
RCEP E	2027	2027	0	E!I15478
RCEP F	2022	2022	0	F!D15475
RCEP F	2023	2023	0	F!E15475
RCEP F	2024	2024	0	F!F15475
RCEP F	2025	2025	0	F!G15475
RCEP F	2026	2026	0	F!H15475
RCEP F	2027	2027	0	F!I15475
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14438
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14438
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14438
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14438

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8545.11.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8545.11.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N16117), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.